

895.922 80

ĐC

B 510 H

ĐÌNH GIANG

23430

# Bùi Hữu Nghĩa

CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢO ĐỊNH GIANG

**BÙI HỮU NGHĨA**  
**CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM**

2018/BC/VV

00001408



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
1988

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tiếp theo các sách đã xuất bản về thân thế và sự nghiệp thơ, văn của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Hữu Huân, Phan Văn Trị, Nguyễn Thông... những nho sĩ, văn gia đã làm rạng danh «hào khí Đồng Nai» trong cuộc đấu tranh chống phong kiến triều Nguyễn và thực dân Pháp xâm lược nước ta hồi cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhân dịp kỷ niệm 180 năm ngày sinh của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa (1807-1987), Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh cho ra một bản đọc quyền sách «**Bùi Hữu Nghĩa — con người và tác phẩm**» do Bảo Định Giang biên soạn.

Bùi Hữu Nghĩa, hiệu là Nghi Chi, sinh năm 1807 ở Long Xuyên, Cần Thơ nay là tỉnh Hậu Giang, trong một gia đình làm nghề chài lưới.

Ông đã đỗ đầu cuộc thi hương (1835), đậu giải nguyên dưới triều Minh Mạng, và được bổ làm tri phủ Phước Long, Biên Hòa (Đồng Nai) và sau đó làm tri huyện Trà Yang (Trà Vinh — tỉnh Cửu Long ngày nay). Về sau, ông làm quan trấn đồn Vĩnh Thông, Châu Đốc (An Giang) đến khi mất (1872).

Sinh thời ông là người cương trực, tiết tháo, trọng đạo nghĩa, giàu lòng yêu nước, thương dân, một văn quan liêm khiết, có nhân cách, ghét bọn cường quyền phong kiến nhũng nhiễu dân, và căm thù sâu sắc bọn thực dân Pháp xâm lược. Ông lên tiếng tố cáo bọn chúng với những mưu mô xảo quyệt, gian hiểm của chúng, đề cao nghĩa khí, phẩm hạnh của người dân và san sẻ, cảm thông với mọi nỗi thống khổ của đồng bào.

Các sáng tác của ông gồm thơ, văn, phú, văn tế, và vở tuồng Kim, Thạch kỳ duyên... đều thể hiện một lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, ca ngợi ý chí bất khuất, quyết cường, tinh thần đoàn kết dân tộc, tình nghĩa gắn bó tộc họ, xóm giềng, giữ gìn phẩm cách, đạo lý thủy chung của những dân ấp, dân

lân trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa ở vùng Đồng Nai, Lục tỉnh.

Ông ra sức bênh vực quyền lợi cho dân nghèo, những người cùng đinh, thấp còi bé mọn, chịu bao sự áp bức bất công của mọi tầng quan lại phong kiến, thực dân, tỏ nỗi cảm thông và xót thương thân phận tội đời của người dân mất nước.

Sự nghiệp văn chương của Bùi Hữu Nghĩa phong phú, đa dạng, sắc nét trong mỗi thể loại; mỗi áng văn đầy nét bi, hùng và tinh trư tình, lời lẽ trau chuốt quyện chặt khi ông đề cao khí tiết, sống đượ độ và lòng xả thân cứu nước của người dân Nam Kỳ lục tỉnh, cũng như khi ông vạch mặt bọn vua quan triều Nguyễn wòn hèn, bán nước, làm tay sai cho Tây bang.

Ông là một nho sĩ mà văn tài vừa thắm đậm tinh uyên bác, thông tuệ trong kiến thức, vừa mang sắc thái dân gian đượ thắm trong các bài thơ, văn tế do cuộc sống gần gũi và gần bó giữa ông với dân chúng.

Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đượ người đương thời mến mộ, truyền tụng là một trong bốn « Rồng vàng » của thi đàn Đồng Nai, Gia Định. Tài văn thơ của ông đượ đánh giá là tác giả hàng đầu, tiêu biểu cho kẻ sĩ đất Nam Kỳ.

Do vậy, khi ông mất, một nhò sĩ khuyết danh đã làm bài thơ điệu, trong đó có câu :

... Thanh danh cứu vị đạt đơn trì  
Khôi thủ văn chương hải nội tri...

**địch nghĩa** (Tiếng tâm lòng lấy tuy chưa thấu đến tai vua  
Nhưng văn chương bậc thủ khoa, bốn bề đều biết tiếng).

Tìm hiểu thân thế và sự nghiệp thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa cũng là một dịp ôn lại truyền thống yêu nước, thương dân của bậc tiền nhân, giúp lớp cháu con của vùng đất « Chín Rồng » chúng ta thêm sức, đồng lòng đem tài đức góp sức cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trân trọng giới thiệu quyển sách Bùi Hữu Nghĩa — con người và tác phẩm với bạn đọc, và mong đượ sự góp ý phê bình.

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

## CÙNG BẠN ĐỌC

Năm 1961, trong quá trình biên soạn cuốn Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX, khi viết đến phần tiểu sử Bùi Hữu Nghĩa; tôi có chừa một câu như sau: « Theo yêu cầu nhất định của quyển sách này, chúng tôi chỉ trích một số bài. Chúng tôi dự định sẽ soạn riêng một quyển về Bùi Hữu Nghĩa mới có thể giới thiệu thơ văn của ông một cách đầy đủ hơn ».

Như dự định, cuối năm 1962, nhờ sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Văn hóa — tiền thân của Nhà xuất bản Văn học ngày nay — tôi bắt tay vào việc biên soạn quyển sách về Bùi Hữu Nghĩa và sự nghiệp văn học của ông. Nhà xuất bản cử anh Hồ Như Sơn, chuyên viên trong lĩnh vực văn học cổ, cận đại giúp tôi và cùng tôi liên hệ với cụ Phạm Trọng Điền yêu cầu cụ giúp chủ thích võ Kim Thạch kỳ duyên. Cụ vui vẻ nhận lời. Chúng tôi phân công như sau: Cụ Phạm Trọng Điền dịch phần chữ Hán và chủ thích các điển cổ trong tác phẩm, anh Hồ Như Sơn phụ trách phần đối chiếu khảo đi, tôi lo phần chú thích các từ ngữ địa phương và dẫn giải « ý tác giả muốn nói » cốt để các bạn trẻ dễ tiếp thu tác phẩm. Công việc kho nhọc này, chúng tôi làm cả năm mới xong. Dù công việc do ba người hợp tác, nhưng người góp nhiều công lao là cụ Phạm Trọng Điền. Là người có trình độ Hán học cao lại là người rất quý Bùi Hữu Nghĩa qua võ tướng Kim, Thạch kỳ duyên, nên cụ rất say sưa liền hành công việc một cách đầy trách nhiệm và không biết mệt mỏi.

Đảng lý quyển sách về Bùi Hữu Nghĩa được ra đời từ lúc đó, nhưng tôi cứ chần chờ, mong phát hiện thêm được nhiều tác phẩm của Bùi Hữu Nghĩa, nhất là các võ tướng Tây Du, Mậu Tông mà các sách viết về Bùi Hữu Nghĩa và các vị cao niên ở Nam Bộ thường nhắc tới.

Sau ngày miền Nam giải phóng, tôi vẫn tiếp tục theo đuổi công việc bấy lâu lừng òm ắp, nhưng ngoài một vài bài thơ, tôi chẳng sưu tầm được gì thêm về sáng tác của Bùi Hữu Nghĩa — mà tôi cho là có sự mất mát đáng tiếc.

Cho mãi những năm gần đây công việc giới thiệu con người và tác phẩm của Bùi Hữu Nghĩa đã chín mồi, nhưng khi định xuất bản thì vấp phải khó khăn về giấy dang khan hiếm; nếu phải in cử võ tướng Kim, Thạch kỳ duyên, có chủ thích. Trong khi chờ đợi thực hiện được ý định ban đầu của mình, tôi thỏa thuận với Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh trước mắt cho trích một phần võ Kim, Thạch kỳ duyên, trong lần in này. Nếu có điều kiện, lúc nào đó sẽ in trọn để bảo tồn một di sản văn học mà tôi cho là rất quý giá.

Dù chưa phải là một công trình nghiên cứu, biên soạn có chất lượng như sự mong muốn, nhưng tôi rất vui và cảm động trước sự khuyến khích của Nhà xuất bản Văn hóa ở Hà Nội trước đây và Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Tôi không bao giờ quên cụ Ca Văn Thỉnh, nhà nghiên cứu văn học lão thành, luôn nhắc nhở và cho tôi những ý kiến sâu sắc về một thể hệ liên nhân ở miền đất Lục tỉnh thế kỷ trước, đã có công lao to lớn như thế nào đối với nền độc lập, tự do của Tổ quốc; rằng phẩm chất cao cả của họ là những tấm gương cực kỳ trong sáng, mãi mãi bồi dưỡng tinh thần chúng ta trong bước đi lên hiện nay và các thế hệ mai sau. Tôi cảm ơn bạn Hoài Anh đã đóng góp những ý kiến bổ ích xung quanh vấn đề đánh giá sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa. Ngoài ra, tôi cũng xin cảm ơn cụ Nguyễn Quang Tuấn đã giúp tôi phát hiện những phần khác nhau giữa các văn bản trên một số bài thơ văn.

Khi quyển sách này ra đời, tôi muốn nhắc một lần nữa cụ Phạm Trọng Diễm, một người đã dày công chăm sóc đối với công việc chủ thích võ tướng Kim, Thạch kỳ duyên. Trước lượng hồn cụ, tôi xin thắp một nén nhang thơm. Lăn lợt các cụ tinh thông Hán học ra đi, là những mất mát không thể bù đắp đối với chúng ta, khi chúng ta muốn khai thác di sản của ông cha trong kho tàng Hán — Nôm rất phong phú của đất nước.

Dù thời gian trải qua khá lâu, nhưng công việc của tôi trong quyển sách này chắc còn nhiều thiếu sót. Tôi mong được sự đóng góp ý kiến chân thành của các bạn đọc để tôi sửa chữa khi được dịp in lại.

**PHẦN I**  
**CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM**

## CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM

Ông Bùi Hữu Nghĩa, tức Thủ khoa Nghĩa, hiệu Nghi Chi, sinh năm Đinh Mão (1807) tại làng Long Xuyên, Cần Thơ (Hậu Giang). Thân sinh Bùi Hữu Nghĩa là Bùi Hữu Vi, làm nghề chài lưới. Tuy nhà nghèo, nhưng thấy con thông minh và ham học, để con tiếp tục được học hành, ông đưa con lên Biên Hòa, gửi ở nhờ nhà ông Nguyễn Văn Lý, bạch đảm hộ trưởng (chức vụ chuyên thu thuế những người làm nghề chài là buôn) tại làng Mỹ Khánh, tổng Mỹ Thượng để theo học với ông Đỗ Hoành, một yếu nhân của Lê Văn Khôi.

Qua những tháng, năm đèn sách miệt mài, Bùi Hữu Nghĩa vượt hẳn các bạn đồng học, được thầy khen, bạn mến.

Tháng hai năm Ất Mão, 1835, nhằm năm Minh Mạng thứ 16 sau khi dẹp xong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, triều đình cho mở khoa thi hương tại Gia Định, Bùi Hữu Nghĩa dự thi và đậu giải nguyên (đậu đầu cử nhân). Ông nổi tiếng từ ấy.

Ít lâu sau, ông kết duyên với bà Nguyễn Thị Tôn, con gái của ông Nguyễn Văn Lý ở Biên Hòa, người đã dìu dắt học ông suốt thời gian học tập. Ông được bổ làm tri huyện Trà Vang (tức Trà Vinh), thuộc Long Hồ (Vĩnh Long), tổng sự dưới quyền Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bố chánh Truyen. (Có người nêu lúc Bùi Hữu Nghĩa làm tri huyện Trà Vang, quan đầu tỉnh không phải là Uyên và Truyen).



Thanh, liêm và cương trực. Bùi Hữu Nghĩa được lòng dân bao nhiêu thì trái lại, ông bị đám quan lại trên ông ghét bấy nhiêu. Do ý thế là em vợ của Bô chánh Truyện, một tên công tử tỏ ra xấu lão với ông, bị ông cho một trận đòn nên thân, từ đó Bùi Hữu Nghĩa chuốc oán vào mình, đám quan lại tinh rình chờ cơ hội để hãm hại ông. Và cơ hội ấy đã đến với chúng qua cuộc tranh chấp đồ máu để giành nguồn lợi cá ở Láng Thè, giữa một bên là địa chủ người Hoa kiều, một bên là thổ dân, người Khơ-me.

Nguyên trước đó, trong lúc thất thế, Nguyễn Ánh chạy đến vùng này có hàm ân dân địa phương trong việc giúp đỡ lương thực. Khi lên ngôi vua, để trả nghĩa, Gia Long xuống chiếu vĩnh viễn tha thuế thủy lợi đối với thổ dân Láng Thè. Tham lam trước nguồn lợi cá to lớn, bọn địa chủ Hoa kiều muốn độc quyền được hưởng nên lo lót với các quan đầu tỉnh mua phần thủy lợi ấy. Uất ức, mẹ Sóc và người thiểu số Khơ-me kéo nhau đến huyện kiện với Bùi Hữu Nghĩa. Bùi Hữu Nghĩa nghe qua biết được giữa đám quan đầu tỉnh và bọn địa chủ có mối thông đồng hất chĩnh đầy dân nghèo lâm vào cảnh khó khăn, bèn bảo với họ rằng: « Rạch Láng Thè từ trước đến giờ được đức Thế tổ tha thuế thủy lợi vĩnh viễn cho các người, thì các người cứ chiếm lấy. Nay nếu có ai lớn hơn Thế tổ phê châu tự bán rạch ấy thì các người phải cam chịu, còn nếu ai nhỏ hơn Thế tổ, đừng bán rạch ấy thì có chém nó đứt đầu cũng chẳng sao ! »

Nghe lời như cối tấm lòng, những thổ dân kéo ra rạch bừa đập, phá rọ. Bọn chủ Hoa kiều cậy giấy tờ có đủ, hề nhau đàn áp thổ dân. Hai bên đánh nhau, kết cục gần chục mạng, trong đó có tên cầm đầu, bị

thổ dân chém chết. Được phi báo, quan đầu tỉnh cho lính đến Láng Thế bắt những thổ dân liên can trông vụ đồ máu đưa về giam ở Vĩnh Long.

Qua lời khai của thổ dân, để hả lòng thù hận bấy lâu, nhân dịp may hiếm có, bọn quan đầu tỉnh quy tội giết người do Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt Bùi Hữu Nghĩa giam ở Vĩnh Long, sau đó giải về Gia Định, lên án tử hình, dâng sớ về triều chờ triều đình phê chuẩn.

Những ngày bị giam ở Vĩnh Long, ông làm thơ chỉ trích bọn « khi nhân, ích kỷ » bất tài, thường hay dùng thủ đoạn, hành vi ám muội, xấu xa của chúng để hại người; em nhem không cho trên biết.

*Nhượng chảng là nhượng kẻ cày voi  
Lục đục thường tài cũng một mối  
Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt.  
Âm thầm vì trống lấp hơi còi...*

Bùi Hữu Nghĩa có kết hợp, nhằm chỉ trích khéo Tự Đức trong bài này không, chưa rõ? Kẻ cày voi trong hai thơ là vua Thuần. Vua Nghiêu, Thuần xưa nay đều được coi là vua hiền. Chỉ nhượng vua Thuần thôi, chứ không nhượng vua nói chung, Bùi Hữu Nghĩa có ý từ gì cũng cần bỏ dấu hỏi? Theo tôi là có.

Trước hiên cổ không lường trước, không còn cách nào khác, để cứu chông ra khỏi án tử hình đang treo lơ lửng trên đầu, bà Tôn, vợ ông nhất quyết ra tận để đỡ để minh oan cho Bùi Hữu Nghĩa.

Theo Nguyễn Văn Nghĩa trong cuốn *Văn chương và lịch sử cụ Thủ khoa Nghĩa và con là Bùi Hữu Tú* thì, bà Nguyễn Thị Tôn trong lúc gặp rút chuẩn bị lên đường, sợ hản án đã vào tới, khi bà chưa kịp đến nơi, nên có cạy người em bạn dì của Bùi Hữu Nghĩa là quản

Kiểm, tổ chức việc đánh cướp chiếu chỉ của triều đình giấu đi. Để làm được việc đó, quân Kiểm phải tốn nhiều trí mưu, công sức, lán la với các trạm và lính trạm từ Huế vào.

Tính chu đáo của bà Nguyễn Thị Tồn quả không thừa. Quân Kiểm đã lấy cắp được chiếu chỉ, nhờ đó bản án xử tử hình Bùi Hữu Nghĩa mặc nhiên coi như tạm gác. Dù vậy, theo tác giả — sách đã dẫn — vẫn còn nhiều giả thuyết xung quanh vấn đề này.

Việc giấu nhem chiếu chỉ cho phép bà Nguyễn Thị Tồn có đủ ngày giờ « quá giang » ra Huế trên một chiếc ghe bầu rời bến từ Mỹ Tho.

Tôi đề dò, bà đi tìm tới dinh Phan Thanh Giản lúc bấy giờ giữ chức Lại bộ thượng thư, trình bày hết các sự việc xảy ra và tỏ ý muốn đòi số kêu oan trước triều đình. Phan Thanh Giản nghe xong có lời an ủi bà và giúp bà thảo ra tờ sớ. Một đêm, vào lúc canh năm, mọi người còn đang an giấc, bà đến trước sân châu, đánh ba hồi trống làm kinh động cả tam cung, lục viện.

Nghe trống đánh loạn, Tự Đức lâm triều, hội đình thần, nghe bà biện bạch nỗi oan ức của chồng. Nghe xong, Tự Đức giao cho Bộ hình xét xử. Sau khi thẩm định, Bộ hình tuyên án :

« Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tử hình, nhưng phải quân tiền hiệu lực, đại tội lập công » nghĩa là, phải ra trận, lập công chuộc tội.

Lúc bấy giờ, nghe được tin có người đàn bà ở đất Đồng Nai lặn lội ra Huế minh oan cho chồng, bà Từ Dũ, tức Nghi thiên chương hoàng hậu, cho dời đến gặp bà. Bà Nguyễn Thị Tồn vào yết kiến và tâu qua mọi việc. Từ Dũ cảm động và tặng một tấm biển đề bốn

chữ vàng «Liệt phụ khả gia». Thời gian ở Huế, bà Nguyễn Thị Tồn được vợ các quan triều tiếp đón ân cần và tỏ lòng mến phục. Sau chuyến đi dài ngày, bà trở về quê hương trong lúc Bùi Hữu Nghĩa đã bị đưa đi trấn đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc) — nơi giáp với nước Cam-pu-chia, lúc bấy giờ còn gọi là Cao Miên. Tình hình nơi này thường xuyên không ổn định, bởi các cuộc nổi dậy chống triều đình. Vì sự đời thay đổi không theo ý muốn, bà Nguyễn Thị Tồn đành phải xa chồng về ở nơi chốn cũ — Biên Hòa — đến khi lâm bệnh và mất lại đó.

Lúc bà Nguyễn Thị Tồn mất, Bùi Hữu Nghĩa phải trấn đồn ở xa không về được. Khi ông trở lại Biên Hòa để lo tang vợ, tính thời gian từ khi xa cách đến ngày trở lại thì:

*Đã chẵn ba năm mới được thăm  
Mắt loạn đầu vắng bụi hơi tâm...*

Đây là câu thơ vĩnh biệt của một người chồng, vốn mang nặng tình nghĩa với vợ, diễn ra trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Bài thơ là một trong những áng văn khóc vợ còn đọng lại trong lòng người đọc mãi đến ngày nay. Tôi sẽ trở lại vấn đề này ở phần sau.

Khỏi tội chết, bị đưa đi trấn giữ một đồn biên giới lẻ loi cách đất nước Cam-pu-chia khoảng 1.000 mét, trước mắt là con rạch nhỏ, xung quanh là những hòn núi Cò Tô, núi Dài, núi Tượng, núi Nước... báo học. Với Bùi Hữu Nghĩa, cuộc ra đi này, khác nào một cuộc lưu đày. Ông chẳng vui sướng một chút nào khi bị bắt buộc làm người chỉ huy trưởng một đội quân khoảng trăm người ấy:

Mộ sắc sô gian y trúc lũy  
Ca thanh nhất đạo lái bờ thuyền.  
Tu mi tự đắc bách phu trưởng  
Tái thương ta đã niên hựu niên.

(Vĩnh Thông đồn trán)

Có mấy gian nhà nương lũy tre buổi chiều tà  
Từ con thuyền mũi tranh tiếng hát vang trên  
sông.

Râu mày mà lại tự bằng lòng được «đứng  
đầu trăm người» sao?

Thế mà phải ở lẫn lữa năm này sang năm  
khác trên biên ải! >

Một cái đồn lẻ mọc lên giữa vùng hoang dã làm nhiệm vụ đàn áp các cuộc nổi dậy của thổ dân và người bên kia nước láng giềng luôn chống lại triều đình, đầu phải là lý tưởng của binh sĩ, kể cả người chỉ huy nhận chức một cách bất đắc dĩ. Thế là, trong một cuộc chạm trán, quan trong đồn bị giết và bị bắt khá nhiều. Bùi Hữu Nghĩa năm trong số bị bắt đó. Kể việc này, có tài liệu cho rằng: Do thấy Bùi Hữu Nghĩa có tướng mạo phương phi, mặt rộng, trán cao, râu dài, nên phía đối phương tâu lên vua của họ là Ong-Duôn xin thả ông. Chẳng những vừa nhận lời mà còn cho thuyền đưa ông về Ba Nam và đưa tiếp về Tịnh Biên.

Trong quyển *Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX*, trong phần viết về Bùi Hữu Nghĩa tôi cho rằng: không phải như thế, không phải do tướng tốt mà người Kho-me tha chết cho ông, đối đãi với ông tử tế như vậy, mà chính là do cách nhìn, do tấm lòng của Bùi Hữu Nghĩa đối với người Kho-me, nhất là đối với số phận của người nghèo khổ khiến người Kho-me

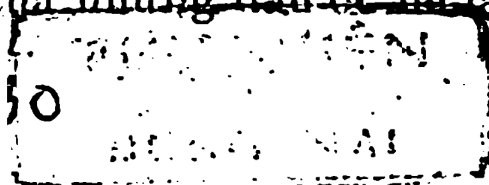
cảm kích, nên mới có hành động này. Vụ Láng Thê, một vụ đưa tới án tử hình một vị tri huyện đương chức, hãy còn nóng bỏng đó và từ Trà Vàng (địa điểm xảy ra đổ máu vì tranh chấp nguồn lợi cá) tới Vĩnh Thông (Tri Tôn) chẳng phải xa xôi gì lắm, khiến người ta không biết tới. Trái lại, đây là một vụ chấn động lớn chẳng những trong một vùng mà khắp Nam Kỳ và tận Huế cũng biết đến. Vì nó gắn với tên tuổi một tri thức lớn, một vị « thủ khoa », một người làm quan nổi tiếng thanh liêm và cương trực.

Cách nhìn và tấm lòng của Bùi Hữu Nghĩa từ lâu đối với số phận của người nghèo khổ, trong đó có người Khơ-me chân lấm tay bùn, từng làm ông xúc động, bồi hồi khi có dịp qua Hà Âm, nơi triều đình, dưới thời Minh Mạng, đã xua quân đàn áp dã man các cuộc khởi nghĩa của người thiểu số Khơ-me chắc hẳn có tiếng vang.

Thời điểm ra đời của bài thơ *Cảm tác khi qua Hà Âm*, giúp ta có một nhận thức đầy đủ về tư tưởng và tình cảm nhất quán của Bùi Hữu Nghĩa đối với dân tộc Khơ-me và người thiểu số Khơ-me sống tập trung ở miền tây Nam Bộ :

*Mit mit mây đen kéo tới sấm  
Đau lòng thuở nọ chốn Hà Âm  
Đồng xương vô định sương phơi trắng  
Giọt máu phi thường cả nhuộm thắm...*

Từ vụ Láng Thê, một bước ngoặt lớn mở ra trong cuộc đời Bùi Hữu Nghĩa. Cái đúng, cái đẹp mà ta thấy ở Bùi Hữu Nghĩa không được chế độ phong kiến suy tàn triều Nguyễn thừa nhận và nó luôn bị bưng bít bởi nhiều lớp rào của những đầu óc hủ lậu, tham quan



ô lại, cường hào ác bá giăng mắc mọi nơi dày đặc, đến nỗi những trí thức lớn, có tên tuổi và vị trí quan trọng trong xã hội, được nhân dân yêu mến như các ông Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa... cũng đành chịu bỏ tay.

Từ vụ Láng Thê và sau vụ Láng Thê, Bùi Hữu Nghĩa hầu như mất tất cả. Trong mọi mất mát, việc bà Nguyễn Thị Tồn qua đời sau những tháng ngày vất vả đường trường, bao nhiêu linh lực đều dồn hết vào cuộc chạy đua với tử thần cứu người chồng — là nỗi đau lớn, nỗi hận lớn đối với Bùi Hữu Nghĩa.

Ê chề trước cuộc sống và chỉ còn chút ít vui thú ở đời là trở về làng cũ mở trường dạy học theo lối « tiến vi quan, thoái vi sư » của những người bất đắc chí, ngày trước. Muốn được thế, phải cương quyết rút ra khỏi chức phận nhỏ nhoi còn lại. Bùi Hữu Nghĩa đã thực hiện được nguyện vọng này sau khi được bề trên của ông chấp nhận. Việc xét và chấp nhận cho Bùi Hữu Nghĩa rút lui đối với cấp trên của ông chắc không có điều gì phải phân vân, cân nhắc. Từ trên tới dưới, đám quan, thần triều Nguyễn không còn có ai hiểu được và đánh giá đúng mực con người của Bùi Hữu Nghĩa. Và do đó, Bùi Hữu Nghĩa ra đi cũng chẳng may may lắm họ Nguyễn tiếc. Dưới thời phong kiến nói chung và triều đại nhà Nguyễn nói riêng, có biết bao người có chí, có tài làm vào cảnh ngộ « không đất dụng võ » như vậy. Ngoài việc dạy học, làm thuốc thiết thực giúp đời, họ còn tiêu sầu bằng câu thơ, chén rượu và đi câu cá. Có người đi câu cá thật dễ tiêu khiến dễ giết thì giờ, nhưng có người chẳng ngồi câu bao giờ, họ chỉ mượn đề tài câu cá để bộc lộ tâm sự, giải bày nỗi uẩn khúc của mình trước thời cuộc và đồng thời cũng gửi vào đó một chút hy vọng, mơ ước, về

tiền đồ. Nói đúng ra, họ không phải là hạng người yếm thế, chủ tâm quay lưng với cuộc đời mà mong muốn đất nước có người « cầm cân nảy mực », những « vua sáng » biết họ, đánh giá đúng đắn về họ.

Về một Lã Vọng thời xa xưa ở Trung Quốc, ngồi câu ở sông Vị được Văn Vương hỏi ra biết là người có tài, đón lên xe về phong làm tể tướng, trở thành đề tài muốn thuở về cuộc gặp nhau giữa « minh quân, lương tể ». Trong mỗi quan hệ khác, Nghiêm Tử Lăng xử sự khác với Lã Vọng. Là bạn đồng học với Hán Quan Vũ, Nghiêm Tử Lăng ẩn vào núi Phú Xuân cây rượng, câu cá ở sông Đông Giang, Hán Quan Vũ sai đi tìm, mời mãi Nghiêm Tử Lăng mới đến. Hán Quan Vũ lấy tình bè bạn đối đãi rất thân mật và mời ông làm quan, nhưng Nghiêm Tử Lăng nhất định từ chối.

Qua bài thơ *Câu cá*, Phan Văn Trị — người bạn thơ gần gũi của Bùi Hữu Nghĩa — dựa vào sự tích cũ để khẳng định dứt khoát chủ trương của mình không ra làm quan dưới triều nhà Nguyễn như Nghiêm Tử Lăng không nhận ra làm quan trước thái độ đối đãi và lời mời mọc ân cần của Hán Quan Vũ :

*Người hỏi Nghiêm Lăng có biết chăng?*

*Lòng ta ý gã đố ai bằng!*

*Nửa cần thú vị trời trời nước*

*Một sợi kính luân gió gió trăng...*

(Câu cá)

Chê chán triều vua này, mơ tưởng một triều vua khác; yêu cầu chính của Phan Văn Trị là có được một Châu Văn Vương để phò tá, chứ không phải được bổng lộc bằng bất cứ giá nào :



*Thao lược đã đành ngàn dặm búa  
Giang sơn tóm rốc một tay phăng  
Xưa nay cũng một lòng sông Vị  
Mơ tưởng xe Chân biếng nói năng.*

(Câu cá)

Niềm hy vọng của ông như ngọn đèn dầu le lói ấy bỗng phụt tắt hẳn khi thực dân Pháp xâm lược — do cuộc đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn, một triều đình mà ông không bao giờ tin nhiệm — đã xâm chiếm đất Nam Kỳ, trong đó có vùng quê ông :

*Linh đình bèo nước biết là đâu ?  
Đậu bến An Giang thấy những sầu  
... Có rau nội quanh dân xanh mặt  
Không trái bần khó khổ bạc đầu  
Xem hết cảnh tình rồi nghĩ nghĩ  
Thú vui chỉ có một căn cầu !*

(Bến An Giang)

Bỏ mặc một triều đình thích xây tăng tam ; quyết a tay tận diệt một dòng họ khác để bảo vệ ngai vàng cho riêng mình ; không quan tâm giặc ngoài đang rập rình trước ngõ, và một sớm giặc giày đạp lên đất nước mình, trước một triều đình như vậy, khá nhiều trí thức chân chính trước sau đều ở ẩn hoặc rút lui về làng. Tên tuổi họ — do gắn liền với vận nước — trở thành bất tử dưới bầu trời tâm tởi của đất nước. Trước hai gọng kềm : triều đình bán nước và thực dân xâm lược, chính lòng yêu nước sẵn có trong từng người đã đưa họ lên vị trí vinh quang của dân tộc. Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Đình Chiểu v.v... những ông cử nhân, tú tài, những ông chiếm giải nguyên trong các khoa thi, mỗi

người một vè, đều lập sự nghiệp trên bước vòng vèo của lịch sử, như thế cả. Khi những tháng, năm mất nước đầy thảm khốc đã sang trang, vua chúa u mê và đám quan lại chuyên xu nịnh, chuyên hại người có tài, có đức và dám dân lành đã biến thành tro bụi hết cả thì những nạn nhân của chúng vẫn sống mãi muôn đời bởi những đóng góp tích cực của họ cho nền độc lập, tự do của đất nước. Lịch sử đã trả lại cho họ nguyên vẹn những gì họ có mà bình sinh họ cũng không biết trước. Lịch sử chẳng những công bằng mà còn nghiêm khắc hơn bất cứ một thứ uy quyền giả tạo nào:

Cũng như Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa về vườn « cầu cá » với tâm trạng chán chường:

*Danh lợi màng bao chốn cửa hầu  
Thanh nhàn quên thú một căn cầu  
... Khỏi nước năm hồ tình cả đẹp  
Gió trăng kho cũ cảnh riêng màu  
Bà vương hội cả dầu chưa gặp  
Thao lược này ai biết đặng đầu!*

Nguyễn Thông bị vu cáo và bị triều đình đánh trượng, bị giáng chức, nhưng cuối đời vẫn có phần thanh thân hơn Bùi Hữu Nghĩa. Từ sự biến Lăng Thê, ông bị triều đình và bọn tinh thần vùi dập, bắt bèn lẽ xã hội, cộng với nỗi buồn riêng về gia đình, vợ và con gái thân yêu đều khuất bóng, ai trợ trợ hơn ông trong lúc này?

*... Cao tho loạn diêu phong tự chiến  
Lạc hoa bất tụ thủy như bôn  
Biên châu nhất trạo tri hà vãng  
Tháp thượng đàm tâm tửu mãn tôn*

(Thu cảm)

(... Cây cao gió thổi loạn như đánh nhau;  
Hỏa rừng nước chảy xiết không tụ được  
Xưởng con một mãi biết về đâu  
Trên giường tâm sự với bầu rượu đầy)

Tuổi càng chông chất, tâm sự càng nặng nề. biết  
ai san sẻ? Chỉ có thơ và rượu làm ông khuấy khuấy  
phần nào:

*Tu mi thời ngũ lão  
Cán phũ hương thùy trần  
... Thế lộ nê đồ thậm  
Cuồng ca thả âm lẫn*

••

*Mãn lời huyền chăm điểm  
Oa cổ nào hoàng hôn  
Sương mãn thương trì mộ  
Tiêu sầu tử nhất tôn.*

(Tự thuật)

(Rầu mảy thúc cái già tới gấp  
Gan ruột biết ngộ cùng ai?  
... Đường đời lầy lội lắm  
Cứ hát tràn và uống rượu cho say

••

... Quanh gối đệm năm muỗi kêu như sấm  
Tiếng ếch như trống vang cả chiều hôm.  
Tóc đã điểm sương thương tuổi già  
Chỉ mượn chén rượu tiêu sầu).

Tai họa đến thỉnh linh và liên tục như thế, từ thể  
xác đến tinh thần ế ẩm đến thế, thật là, ngồn ngang

trăm mối tơ lòng, nhưng Bùi Hữu Nghĩa vẫn gượng dậy, đứng vững, không xiêu ngã. Ông lo cho cái già tới gặp không còn thời gian thi thố những điều có lợi ích cho đời, chứ không phải nuối tiếc công danh. Với khả năng ông có, ông muốn làm điều gì đó có ý nghĩa hơn chứ không cảm làm đồn trưởng đứng đầu một nhúm lính tráng « ở lần nữa hết năm này sang năm khác trên biên ải ».

Thương nước, yêu dân, sống có tình, có nghĩa, coi trọng đạo đức, nhân phẩm, dù bị vu oan giá họa, đi đày vào đường cùng, ông vẫn tự trọng, luôn giữ cho mình cuộc sống thanh cao :

*Nhượng cháng là nhượng kẻ cày voi  
Lục lục thường tài cũng một môi  
Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt  
Âm thầm vì trống lấp hơi còi  
Kìa câu lịch kỷ kinh còn tạc  
Nọ kẻ khi nhân thánh hỡi roi  
Lần thân hết suy rồi đến thời  
Ngày qua, tháng lại bước đường thoi*

(Bị giam ở Vĩnh Long)

Với ông, vua hiền như ông Thuận mới đáng để ông khám phục. Ngoài ra, cũng đều là đám « lục lục thường tài » có gì để ông coi trọng? Quan lại đầu tỉnh Vĩnh Long, kẻ bắt ông giam cầm để chờ ngày xét xử, « quả là đám « lục lục thường tài » ấy ; chúng là « mây che bóng nguyệt » là « trống lấp hơi còi ». Điều này Bùi Hữu Nghĩa, qua bài thơ, nói quá rõ, còn Tự Đức có phải là « kẻ cày voi » — ông Thuận — không? Ai hiểu được ý tứ không chút lộ liễu, khó nắm bắt này?

Tiếc là tiếc: « há vờng hội cả dầu chưa gặp, thao lược này ai biết dặng dầu? », nhưng thế thái, nhân tình đã ra có sự ấy thì, « không nên cán búa » cũng còn dùng làm « dưa bếp » được. Không chỉ cái búa mới có tác dụng, còn dưa bếp là đồ bỏ đi:

*Đỡ đã không nên cán búa voi  
Đỡ làm dưa bếp cũng ra mòi  
Số lò, ngũ đánh chi sòn nóng  
Khuấy vạc tam thai chẳng sợ coi...*  
(Dưa bếp)

Vua chúa, bọn gian nịnh trong triều, ngoài quận có thể đánh giá thấp Bùi Hữu Nghĩa, nhưng ông không bao giờ tự hạ mình, tự coi thường mình. Ngay những tháng, ngày trên giường bệnh, sắp sửa lìa đời, khó khăn cũ chưa qua, khó khăn mới kéo đến (nạn Pháp xâm lăng), nhà thơ của xứ sở Bình Thủy, Long Xuyên vẫn tỉnh táo tự đánh giá con người mình:

*Ngàn vàng khôn dễ sánh mình này  
Sánh có ngày đâu thác cỡ ngày  
Non nước hãy còn đang bầy bá  
Đất trời sao nữa khiến lay vầy...*

(Ngâm thơ trên giường bệnh)

Con người chỉ có một lần sinh ra và một lần mất. Thân con người không quý sao được! Càng quý, khi cả cuộc đời đã được thử nghiệm, cân đo. Sống đúng hay không đúng? Được nuôi dưỡng bởi chính khí hay tà tâm? Bùi Hữu Nghĩa tự nói về mình, cũng có thể ông nói hộ cho người khác về phẩm giá của con người, về những gì họ không thấy hồ thẹn với lương tâm! Từ sự suy gẫm, đánh giá về mình, ông thấy nhẹ nhàng và hứng thú về cảnh gió, trăng có sẵn trong tạo vật

hương tới vô cùng và tự hào so sánh mình như cây tùng, cây cúc còn sống sót, vẫn lên xanh giữa một vườn cây lá hoang tàn vì thời tiết.

Trong thế kỷ XIX, nhất là nửa sau thế kỷ này, ít có nhà thơ, nhà văn nào ở Nam Bộ, trong khi hương ngòi bút của mình ca ngợi chính nghĩa mà lại « quên » vach mặt bọn ăn trên, ngồi trước phi nghĩa, sâu một dân, bọn vô ích cho xã hội. Khi Pháp đặt chân đến đất này, chúng xuất hiện với bộ mặt tiêu nhân để tiện, cam làm trâu ngựa cho giặc, phải giống, hại nói. Bùi Hữu Nghĩa mượn cây bần, cây vông để ám chỉ chúng. Với ông, đó là hạng « uổng sanh trong thế », chẳng nên tích sự gì:

*Lá xanh tơ liễu nhành thưa thớt  
Bông bạc đường mai nhụy sượng sần  
Quyển luyến bầy cò bay sấp sần  
Chiều quy đàn khi tới dần lân  
Rừng soi, cột trở chưa nên mặt...*

(Cây bần)

Bùi Hữu Nghĩa lớn hơn Nguyễn Đình Chiểu 15 tuổi. Và lớn hơn Phan Văn Trị những hai mươi ba tuổi. Ông thuộc lớp đàn anh, được nhiều người biết đến trước khi xuất hiện những ngòi bút lớn, tên tuổi của họ gắn liền với cuộc chiến đấu oanh liệt « thả chết không hàng » của nhân dân và sĩ phu yêu nước.

Thân thế của Bùi Hữu Nghĩa và hoạt động văn học của ông tạo cho ông có một uy tín lớn trong xã hội, tiếc thay, khi Pháp nổ súng xâm lược đất nước ta, ông đã nhiều tuổi và đã trải qua nhiều sóng gió trong cuộc đời. Sự hiệp đáp của triều đình và bọn quan lại địa phương (bọn có quyền cao, chức cả trên ông) và

những biến cố của gia đình dồn dập đã trở của ông biết bao sinh lực. Ở người khác, có thể dân tới sự tàn rụi âm thầm không để lại tiếng vang nào. Bùi Hữu Nghĩa không như thế. Ở ông, đất nước và nhân dân bao giờ cũng là hình ảnh thiêng liêng, cao quý. Lòng ông có thể giá lạnh với triều đình, với bọn tham quan ô lại, nhưng lòng yêu dân, yêu nước, yêu xứ sở quê hương là than hồng luôn luôn sưởi ấm đời ông, tạo cho ông một nghị lực mới, tinh thần mới, xông lên trận tuyến kẻ thù.

Trước đây, khi viết về Bùi Hữu Nghĩa, tôi vẫn đánh giá cao một trong bốn « RỒNG VÀNG » ở đất Đồng Nai trên phương diện sáng tác văn học. Nhưng lúc bấy giờ tôi chưa đánh giá đầy đủ ông với tư cách là người chiến sĩ trên mặt trận chống xâm lược. Đại để tôi viết về ông như sau : « khi Pháp xâm lược Nam Kỳ, Bùi Hữu Nghĩa đã già, tuy ông không trực tiếp đứng ra đánh giặc như số đông sĩ phu khác ở Nam Bộ, nhưng ông vẫn đặc biệt theo dõi cuộc chiến đấu chống xâm lăng. Và nhà của ông chính là nơi gặp gỡ luận bàn việc nước của các chí sĩ yêu nước ». Viết như thế, không có gì sai, nhưng chưa đủ, chưa thấy hết những giá trị đóng góp của Bùi Hữu Nghĩa. Thế nào là « không trực tiếp đứng ra đánh giặc » ? Có phải người cầm gươm, cưỡi ngựa tung hoành trên trận mạc ở tuyến trước là trực tiếp còn người cầm bút rỏ máu tim trên trang giấy ở tuyến sau là không trực tiếp ? Không hẳn là như vậy. Viết một câu như thế, tôi cảm thấy mình có lỗi với tiền nhân ; tỏ ra không thông cảm đầy đủ hoàn cảnh cực kỳ khốn khổ, phức tạp mà thế hệ Bùi Hữu Nghĩa trải qua. Đó là thời điểm lịch sử ngàn cân treo sợi tóc, khi giặc Pháp ồ ạt đổ vào, vua chúa hết nhân nhượng này đến nhân nhượng khác, sau cùng là đầu hàng giặc

ra mặt, đẩy nhân dân ta vào cảnh khổ đau chưa từng có.

Về Bùi Hữu Nghĩa, ông gạt mọi nỗi ưu phiền do chế độ vua quan — một chế độ mà ông và những trí thức đương thời hàng ngày vun đắp — đã quất lên đời ông những đòn roi đau chết người gây nên một vết thương lòng không bao giờ lành lặn. Vậy mà, trong cuộc chiến đấu giữ nước, giữ nhà, Bùi Hữu Nghĩa đã đứng lên từ buổi đầu, hướng ngòi bút vốn sắc sảo của ông vào trận địa mới chưa được chuẩn bị trước :

*Ai khiến thàng Tây lời vạy á?  
Đất bằng bông chốc dây phong bc.*

Ông lưu ý về một tình hình với thái độ phê phán :

*Hắn hỏi il mắt đềm ơn nước  
Nhào nhúc nhiều tay bần nổi nhà.*

Và xúc động biết bao từ miệng một cụ già, tuổi suýt soát sáu mươi, cuộc đời bao phen tắm gội phong trần, nói ra với thế hệ trẻ như một lời cam kết và nhắn nhủ với nước non về tấm lòng trước sau như một của mình :

*Sắt đá ôm lòng cam với trẻ  
Nước non cõ mắt thấy cho gia  
Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa  
Báo quốc cần vương há một ta*

(Ai xui Tây đến)

Tự khẳng định, đồng thời biểu thị lòng tin tưởng về tinh thần khẳng khái cứu nước của số đông người trên phần đất đang bị giặc giày xéo, Bùi Hữu Nghĩa từ thực tế đã khái quát đúng đắn con người trên phần đất cực nam của Tổ quốc. Trong một thời điểm nhất định, lời của ông có giá trị động viên là dường nào.



Khoảng năm 1868, bị coi là người chống Pháp, giặc bắt giam ông ở Gia Định. Đỗ Hữu Phương — tên hán nước đầu sỏ — giả nhân, giả nghĩa xin với quân cướp nước thả ông ra, cốt để lấy lòng. Bài thơ đề tại gọi là « tạ ân » kể giúp ông thoát cảnh giam cầm của giặc là bài học nhớ đời đối với bọn phản quốc cầu vinh. Toàn bài lời lẽ mới nghe qua như nhẹ nhàng, nhưng là những cú đánh hiểm hóc, vạch trần chân tướng xấu xa của đấng con hoang. Mở đầu bài, Bùi Hữu Nghĩa tỏ vẻ như là người lần đầu được cái hán hạnh tới « cửa rồng ». Cửa rồng là chỗ nhà vua, Bùi Hữu Nghĩa thừa hiệu định nghĩa ấy. Được coi là người trong « cửa rồng », Đỗ Hữu Phương chắc sung sướng đến phát điên, nhưng cái cửa cao sang tột bậc chỉ dành cho vương giả ấy, lại là cửa quân đội viễn chinh Pháp dựng lên cho dòng họ Đỗ. Chẳng hóa ra họ Đỗ là tên bán nước số một dưới mắt Bùi Hữu Nghĩa đây sao !

*Cửa rồng mừng được một phen lên  
 Trận trong cầm bằng khách bực trên  
 Mắt, mặt chẳng từng non nước lạ  
 Rau, mây sánh với ruộng vườn quen*

(Gửi Đỗ Hữu Phương)

Hán hạnh được dịp lên « cửa rồng » và được sự ưu đãi đặc biệt của người trong cửa, nhưng nơi này là vùng địch, cảnh trí lạ mắt chưa từng nhìn, chỉ quen với ruộng vườn. « Non nước lạ », « ruộng vườn quen », chỉ bằng ấy mấy chữ mà nói ra rõ được ranh giới giữa ta và địch, nói rõ được sự thay đổi của lòng người.

*Riêng vui mây trắng hiềm khôn lặn  
 Chung đợi trời xanh để dám quên  
 Ngươi, tớ hỡi còn khi gặp gỡ  
 Dấn lòng vàng đá: hãy cho bền !*

(Như trên)

Dù cảnh ngộ khác nhau, đó có cuộc sống khác đây (hên ra làm quan với giặc, hên đeo đẳng theo việc nước) vẫn chung đời trời, còn có cơ hội gặp lại. Khuyên đó đừng thay lòng đổi dạ. Lời khuyên, khác nào lời cảnh cáo!

Từ một người tù ở trong thế hoàn toàn bị động, trước một thế lực không vừa, Bùi Hữu Nghĩa chủ động tiến công không thương tiếc bọn đầu hàng giặc. Đứng ở phía chính nghĩa, trên lập trường yêu nước quang minh, chính đại, Bùi Hữu Nghĩa dùng ngòi bút sắc nhọn của mình đâm thẳng vào tim gan Đỗ Hữu Phương. Kiểu « tạ ân nhân » như thế chắc cũng làm cho tên bán nước mất nhiều đêm ngày suy nghĩ.

Kẻ sách vừa dọa nạt, vừa dụ dỗ, mua chuộc chỉ làm kẻ địch và tay sai tổn công một cách vô ích trước tinh thần bất khuất, tinh kiên định của những người yêu nước. Bùi Hữu Nghĩa là một trong những tấm gương cao cả, trong sáng đó:

*... Chén rượu anh em keo gắn chặt  
Tấm sơn tời chứa được chong cao  
Theo rồng dốc nhóm mây trời Hán  
Xuống ngựa đầu tham bạc đất Tào...*

(Quan Công thất thủ Hạ Bì)

Mượn sự tích cũ ở Trung Quốc: Quan Công thất thủ Hạ Bì, được kẻ thù nổi tiếng gian hùng là Tào Tháo đưa về, hết lòng hậu đãi, mong sao Quan Công bỏ Hán đầu Tào. Thừa dịp, Quan Công phò hai chị dâu — vợ của Lưu Bị — vượt qua năm cửa ải, chém sáu tướng Tào, mở đường quay về với Lưu Bị, không quên chén rượu kết nghĩa vườn đào mà ba anh em Lưu, Quan, Trương đoàn thể lúc mới bắt tay xây dựng

lại cơ đồ nhà Hán. Quan Công dưới con mắt của người viết sử thời sau ở Trung Quốc như thế nào là một việc. Ở nước ta, tác giả Đào Tấn qua vở tuồng nổi tiếng *Trương Phi thủ cỏ thành* có cách nhìn, cách đánh giá về những nhân vật thời Tam Quốc mang những khía cạnh khác không như đồng đảo người đọc truyện ở Trung Quốc và ở nước ta. Ở nước ta, từ lâu Quan Công được coi là người có tiết nghĩa, có thủy chung, được thử thách đặc biệt qua lần thua trận, bị Tào Tháo bắt.

Trước âm mưu mua chuộc hiểm độc của giặc Pháp trong quá trình xâm lược nước ta, trước tiên là Nam Kỳ, thông qua tay sai đặc lực là Đỗ Hữu Phương, Tôn Thọ Tường... chúng không tiếc công sức, tiền của tung ra mong lung lạc nhân tâm, trước hết là đội ngũ trí thức có uy tín trong nhân dân. Trước sau, kẻ thù xâm lược và bán nước đều thất bại, trừ cá biệt, đồng đảo người cầm gươm, cầm bút đều một lòng với Tổ quốc, quê hương. Nhiều sĩ phu cam chết trận giữa nghĩa quân; không ít người trong khi chiến đấu không may rơi vào tay giặc và sắp chịu chết dưới máy chém, vẫn đứng vững trước mọi cám dỗ. Cũng như vậy, Bùi Hữu Nghĩa đã xác lập cho mình chỗ đứng không lay chuyển giữa những ngày u ám của đất nước:

*Hạ Bi ngày, nọ chẳng màng nào  
Gương sáng chi làm chước tung thao  
Chén rượu anh em kéo gần chặt  
Tấm son tôi chứa được chong cao...*

(Quan Công thất thủ Hạ Bi)

Cũng vận dụng sự tích cũ của Trung Quốc, Bùi Hữu Nghĩa sáng tác hai bài liên về Thân Bao Tư và Ngũ Tử Tư trong mối quan hệ bè bạn khăng khít giữa họ với nhau. Mối quan hệ này được đặt trong bối cảnh

đất nước xảy ra việc binh đao. Mỗi người đứng ở mỗi phía. Tuy không nói trắng ra, nhưng người đọc của Búi Hữu Nghĩa thấy rõ ông muốn nói gì và nói với ai qua hai bài thơ này.

Thần Bao Tư và Ngũ Tử Tư là hai bạn thân cùng làm quan nước Sở. Cha của Ngũ Tử Tư là Ngũ Sa, anh là Ngũ Thượng bị Sở Bình Vương giết. Ngũ Tử Tư chạy sang nước Ngô để giúp vua Ngô lập mưu đánh Sở báo thù. Khi chia tay ly biệt, Thần Bao Tư có nói với Ngũ Tử Tư rằng: « Nếu anh mà đánh nước Sở thì tôi sẽ dựng lại nước Sở. Nếu anh định diệt nước Sở thì tôi sẽ làm cho nước Sở vẫn tồn tại ».

Ngũ Tử Tư sang nước Ngô, giúp vua Ngô đem quân về đánh Sở, vua Sở bị thua to. Nước Sở nằm trong tình hình nguy ngập. Thần Bao Tư không còn cách gì chống lại, bèn sang nước Tần xin quân cứu viện. Đi gấp không kể ngày đêm, chân bị thương vẫn bó thuốc mà đi. Sang đến nước Tần, Thần Bao Tư đứng khóc bảy ngày đêm không ăn uống. Vua Tần thấy thế cảm động cho quân sang cứu Sở, đánh lui được quân Ngô.

Tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ra ở Gia Định đã gây ra biết bao cuộc tan đàn, xẻ nghé.

Chùa Cây Mai — nơi tập hợp nhiều cây bút nổi tiếng của Bến Nghé, Đồng Nai — đã chứng kiến cuộc chia tay đau lòng, không hẹn trước. Là một trong những cuộc chia tay làm nhói nhiều người trong cuộc, tình cảm đó còn đọng lại trong thơ văn. Nguyễn Thông là người rời quê hương, từ cuộc « tị địa » lịch sử, ông ra miền Trung, bao năm vẫn hướng về chùa Cây Mai nơi có những cây mai nở đầy hoa trắng từng trợ hứng cho nhiều nhà thơ ấy :

*Thập niên mã thử vọng Mai Đình*

« Mười năm quay đầu ngựa trông nhớ chùa Cây Mai » là nhớ cảnh, nhưng kỳ thực là nhớ người, nhớ bạn bè tương thân, tương đắc trong những lần ngắm vịnh.

Trong cuộc sống Bùi Hữu Nghĩa cũng có nhiều hầu bạn trong giới cầm bút và cầm gươm. Trong số này không tránh khỏi có người vì lợi ích riêng chạy sang phía địch. Từ hình tượng Quan Công đến Thân Bao Tư, Bùi Hữu Nghĩa khéo chọn những « hình mẫu » rất đặc để nói lên ý chí kiên định của mình. Không muốn mất bạn, nhưng không thể không chống lại bạn nào đã thay lòng, đổi dạ trong lúc Tổ quốc lâm nguy :

*Vì ai nên nổi mực xa voi  
Vườn Sở hoang lương đã thấy mối  
... Thù nhà dốc báo dai con vác  
Nợ nước làm đèn giở ngọn rơm.  
Nửa phần thương vua, nửa phần mến bạn  
Chia lòng vẫn vẫn giống đũa thoi*

(Thân Bao Tư tiễn Ngũ Tử Tư)

Nhìn nhận ở một phía có việc thù nhà, làm con phải trả, đồng thời cũng nhìn nhận ở phía khác có vấn đề « nợ nước » phải đền bồi. Bùi Hữu Nghĩa đã gửi gắm tâm sự và tìm lối ra cho mình qua nhân vật Thân Bao Tư và qua những lời thơ ngắn. Ông tỏ ra là người vừa rộng lượng, am tường sâu sắc về thế thái, nhân tình, vừa có lập trường vững chắc đối với Tổ quốc.

Tiếp theo bài *Thân Bao Tư tiễn Ngũ Tử Tư* là bài *Ngũ Tử Tư thối sáo*. Bài trước—như đã nói—là bài khẳng định chỗ đứng bất di bất dịch của những người có lòng yêu nước. Bài thứ hai là bài đề cập đến số phận của

người bỏ Tổ quốc ra đi. Đi với mục đích báo thù. Liên hoàn với bài trước, nói về nhân vật Ngũ Tử Tư, Bùi Hữu Nghĩa tả cái cảnh cô quạnh, nỗi buồn lẻ thê của số phận con người khi đã trái chân lữ bước, gửi thân ở chốn quê người với một ống sáo :

*Lạc loài nước bước dạ trăm chiều,  
Ngợ ngần quê người một ống tiêu  
Trời Sở oán theo mây cuộn cuộn :  
Đầu Ngộ buồn giục gió hiu hiu  
Chín ơn tơ tóc sợ dây mỏng  
Ngàn dặm non sông cảm ít nhiều...*

(Ngũ Tử Tư thổi sáo)

Nói cho đúng ra, Ngũ Tử Tư không phải chỉ có nỗi buồn khi ở đất Ngô mà còn có nỗi oán mang theo từ nước Sở. Việc trả oán rồi cuộc chẳng xong mà chút tình còn lại với non sông cũng tạt cạn. Nỗi oán xưa và lòng buồn mới xen kẽ trong tâm trạng của một con người khi phải bỏ xứ, lia quê thật ngổn ngang và không bao giờ có lối thoát.

Bài *Ngũ Tử Tư thổi sáo* bổ sung cho bài *Thân Bao Tư tiễn Ngũ Tử Tư* mang trong lòng nó dòng tư tưởng và ý tứ thâm trầm của Bùi Hữu Nghĩa. Rõ ràng với hai bài này, ông không dừng lại ở một câu chuyện mang tính tiết hấp dẫn ngày xưa mà chính là ông muốn nói về ông và về những ai đó - một Tôn Thọ Tường hay một Phan Hiền Đạo chẳng hạn - cam tâm quay lưng lại xứ sở, quê hương, rút bỏ tình xưa nghĩa cũ.

Không quất thẳng, quất mạnh vào mặt quan bán nước, hại nòi như Phan Văn Trị đã làm, thơ yêu nước của Bùi Hữu Nghĩa mang cá tính và phong cách của riêng ông. Chúng là dòng suối róc rách, là mạch nước